

Phụ lục số I
BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐẦU TƯ ĐƯỢC QUYẾT TOÁN
CÔNG TRÌNH: Đường dân sinh Chà Ngoan

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2025 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng)

Đơn vị tính: đồng

STT	CƠ CẤU	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị Chủ đầu tư đề nghị	Giá trị quyết toán	Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán (+) hoặc (-)	Chênh lệch giữa quyết toán và đề nghị (+) hoặc (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(3)	(7)=(5)-(4)
I	Chi phí xây dựng	1.606.030.636	1.574.464.000	1.574.464.000	-31.566.636	0
II	Chi phí quản lý dự án	44.151.242	35.267.000	35.267.000	-8.884.242	0
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	268.942.217	267.929.000	267.929.000	-1.013.217	0
1	Chi phí khảo sát, lập BCKTKT	206.547.928	206.547.000	206.547.000	-928	0
2	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC và dự toán	5.396.263	5.396.000	5.396.000	-263	0
3	Chi phí giám sát thi công	51.441.161	50.430.000	50.430.000	-1.011.161	0
4	Chi phí lập HSMT đánh giá hồ sơ dự thầu	5.556.865	5.556.000	5.556.000	-865	0
IV	Chi phí khác	80.705.884	19.352.000	19.352.000	-61.353.884	0
1	Chi phí thẩm định báo cáo KTKT	735.854	735.000	735.000	-854	0
2	Chi phí bảo hiểm	4.818.092	4.818.000	4.818.000	-92	0
3	Chi phí thẩm định HSMT; KQLCNT	2.000.000	2.000.000	2.000.000	0	0
4	Chi phí trích đo thu hồi đất	52.000.000		0	-52.000.000	0
5	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	9.352.938		0	-9.352.938	0
6	Chi phí thẩm tra quyết toán	11.799.000	11.799.000	11.799.000	0	0
V	Dự phòng chi	70.170.021			-70.170.021	0
	Tổng cộng	2.070.000.000	1.897.012.000	1.897.012.000	-172.988.000	0

STT	CƠ CẤU	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị Chủ đầu tư đề nghị	Giá trị quyết toán	Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán (+) hoặc (-)	Chênh lệch giữa quyết toán và đề nghị (+) hoặc (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(3)	(7)=(5)-(4)

STT	CƠ CẤU	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị Chủ đầu tư đề nghị	Giá trị quyết toán	Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán (+) hoặc (-)	Chênh lệch giữa quyết toán và đề nghị (+) hoặc (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(3)	(7)=(5)-(4)

Phục lục số II
BẢNG CÔNG NỢ
CÔNG TRÌNH: Đường dân sinh Trà Bồng

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2025 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng)

Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số thanh toán	Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
					Phải thu (-)	Phải trả (+)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)-(5)	
I		Chi phí xây dựng	1.574.464.000	1.547.452.000	0	27.012.000
1	Công ty TNHH xây dựng Hoàn Thịnh	Chi phí xây lắp	1.574.464.000	1.547.452.000	0	27.012.000
II		Chi phí quản lý dự án	35.267.000	35.267.000	0	0
1	UBND xã Trà Tân	Quản lý dự án	35.267.000	35.267.000	0	0
III		Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	267.929.000	267.929.000	0	0
1	Công ty TNHH MTV xây dựng 02/10	Chi phí khảo sát, lập báo cáo KTKT	206.547.000	206.547.000	0	0
2	Công ty cổ phần tư vấn thiết kế Đức Việt	Chi phí thẩm tra BVTC và dự toán	5.396.000	5.396.000	0	0
3	Công ty TNHH Đầu tư TM & XD Đông Đô	Chi phí giám sát thi công	50.430.000	50.430.000	0	0
4	Công ty TNHH Đầu tư TM & XD Đông Đô	Chi phí lập HSMT đánh giá hồ sơ dự thầu	5.556.000	5.556.000	0	0
IV		Chi phí khác	19.352.000	19.352.000	0	0
1	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện	Chi phí thẩm định báo cáo KTKT	735.000	735.000	0	0
2	Công ty Bảo Việt Quảng Ngãi	Chi phí bảo hiểm	4.818.000	4.818.000	0	0
3	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện	Chi phí thẩm định HSMT + Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	2.000.000	2.000.000	0	0
4	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện	Chi phí thẩm tra quyết toán	11.799.000	11.799.000	0	0
	Tổng cộng		1.897.012.000	1.870.000.000	0	27.012.000

STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số thanh toán	Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
					Phải thu (-)	Phải trả (+)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)-(5)	